

Bản án số: 384/2024/DS-PT

Ngày: 01-8-2024

V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Lê Minh Đạt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp quyền về lỗi đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS – ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2255/2024/QĐ – PT ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Phạm Chí H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T1 - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Địa chỉ: số A, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 1999 (có mặt);

3.2. Bà Phạm Diễm X, sinh năm 2003 (có mặt);

3.3. Bà Lê Thị Thủy C, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thủy C1: Ông Phạm Chí H, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.4. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1942 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người làm chứng do nguyên đơn mời: Bà Phạm Kim P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Chí H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2007, bà được cha bà là ông Phạm Văn T2 tặng cho thửa đất 1119, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.535m² (nay là thửa 23, tờ bản đồ số 17), tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trước đó, ông T2 đã tặng cho ông H thửa 22, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.949,5m², tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa 1119 của bà có vị trí ở phía sau thửa 22 của ông H, để ra đường công cộng bà phải đi qua đất của ông H. Năm 2018, ông H viết giấy tay cho đường đi với nội dung “Nguyên thửa đất của tôi và thửa đất của chị T số 119, tờ bản đồ số 05, địa chỉ xã T nằm liền kề với nhau vì hai thửa đất này do cha mẹ chung cho, nay tôi đồng ý cho chị T và gia đình chị T đi trên con đường đi trên đất của tôi bề ngang 1,5m chiều dài chạy hết phần đất của tôi và chị T nằm liền kề để đi ra lộ”, có ông H, ông Nguyễn Văn T3 và người chứng kiến là ông Nguyễn Bình H1 (trưởng ấp) cùng ký tên xác nhận. Bà đã sử dụng lối đi này từ năm 2007 đến năm 2022 nhưng lối đi là đường đất, khi trời mưa và nước ngập khó đi lại nên bà đã đổ bê tông trên lối đi. Sau khi bà đổ bê tông thì ông H ngăn cản và đập bỏ, không cho bà sử dụng lối đi.

Ngoài ra, gia đình bà còn có đường thoát nước sinh hoạt và tưới cây trồng (như bưởi, chanh và dừa) qua thửa đất của ông H nhưng ông H đã ngăn lại, không cho bà thoát nước dù đây là đường thoát nước duy nhất để gia đình bà có nước sinh hoạt và tưới cây.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Chí H phải mở cho bà lối đi có chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng 120m và mở đường thoát nước chiều ngang 1m, chiều dài 50m trên thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Chí H. Bà đồng ý bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi cho ông H theo kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Chí H trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; thửa 23 của bà T liền kề và nằm ở phía sau thửa đất của ông. Ông đồng ý cho bà T được sử dụng lối đi có chiều ngang 1,5m tại vị trí ranh đất của ông đến đầu đất của bà T, nhưng bà T không đồng ý và cùng 08 người khác (trong đó có ông Phạm Chí P1 - là em út của ông và bà T) thách thức, đòi hành hung ông, ông sợ nên bỏ đi; vào ngày 25/8/2022 nhóm của bà T nhổ trụ, cưa 01 cây mít, 02 cây bưởi đang cho trái của ông, tiếp tục đổ con đê và lấp mương, tự ý đổ bê tông dài khoảng 50m, chiếm đất của ông làm lối đi riêng. Vài ngày sau, bà T tiếp tục kêu ông P1 dùng gậy sắt hành hung ông; ông có báo Công an xã lập biên bản và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã T hòa giải nhưng không thành. Ông có làm đơn trình báo với nội dung nếu bà T không làm lối đi ngoài ranh thì ông làm rào và tháo bỏ đoạn bê tông.

Đến ngày 06/7/2023, bà T kêu ông P1 và người làm dùng xe tự chế đẩy bê tông đi qua, ông không cho vì sợ lỡ đê, ông P1 rút gậy ba khúc và bình xịt rượt đánh vào đầu, tay ông, ông có dùng khúc tre đánh trả và được người làm can ngăn. Con đê bà T làm là lối đi trái phép, ông không đồng ý cho bà T sử dụng vì lối đi này chia đất của ông thành 2 phần, ông không thể làm hàng rào khép kín nhà ông, ảnh hưởng đến việc bảo vệ tài sản của gia đình. Đối với giấy cho đường đi ngày 24/10/2018 bà Thủy cung c thì đường đi ông cho bà T sử dụng có vị trí giáp ranh, không phải đường đi bà T yêu cầu cắt ngang thửa đất của ông.

Ngoài ra, đường nước bà T trình bày cũng không đúng sự thật vì đây là mương ranh giữa đất của ông và đất liền kề nên ông lấp trên phần đất của ông để trồng cây, bà T có đường thoát nước riêng xả ra 02 ống cống chảy theo kênh ra kênh T.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T2 trình bày:

Ông và vợ là bà Ngô Thị Bé B (chết năm 2007) có 10 người con. Năm 2004, ông tặng cho ông Phạm Chí H 01 phần đất ruộng có diện tích khoảng 5.000m² (nay là thửa 22, tờ bản đồ số 17), tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre, ông còn lại 01 phần đất diện tích khoảng hơn 2.000m² có vị trí ở phía sau phần đất cho ông H. Để vào đất của ông thì ông phải đi qua lối đi trên đất của H (là lối đi đang tranh chấp). Năm 2007, ông tặng cho T phần đất hơn 2000m² nêu trên và bà T tiếp tục sử dụng lối đi có sẵn trên đất ông H. Năm 2022, bà T đổ đận lối đi để thuận tiện đi lại thì ông H và bà T xảy ra tranh chấp. Khi bà T đổ đận thì ông có mặt và ông H không ngăn cản việc này. Bà T có chặt cây trồng và bà T đã bồi thường 5.000.000 đồng theo yêu cầu của ông H. Do bà T đổ đận tốn rất nhiều tiền và lối đi này ông đã đi từ trước đến giờ nên ông muốn ông H cho bà T tiếp tục sử dụng lối đi, hơn nữa lối đi ông H cho đi là

ao trũng không thể đi được.

Ngoài ra, đường thoát nước ông H lắp là đường thoát nước duy nhất của bà T, từ khi ông H lắp đường nước thì cây trồng của bà T đã chết gần hết.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tiến Đ trình bày:

Ông có nhận 5.000.000 đồng của ông P1 chuyển vào số tài khoản của ông để bồi thường 01 cây dừa và 01 cây mít nhưng do ông P1 ép ông nhận. Ông không có ý kiến trong vụ án này.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Diễm X trình bày:

Bà không có ý kiến trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS – ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ mở lối đi cho bà Phạm Thị T thuộc các thửa 22-3 diện tích 2,3m, 22-4 diện 34,9, 22-5 diện tích 93,7m² cùng tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng của ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ thuộc các thửa 22-3 diện tích 2,3m, 22-4 diện 34,9, 22-5 diện tích 93,7m cùng tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị T được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ mở, có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 của Luật Đất đai năm 2013 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Bà Phạm Thị T có trách nhiệm đền bù giá trị phần đất mở lối đi cho ông Phạm Chí H số tiền là 78.540.000 đồng.

2. Buộc ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ mở đường tưới, tiêu có diện tích 34,1m² có chiều ngang 0,5m thuộc thửa 22-1-1, diện tích 24,7m, 22-2-1 diện tích 2,6m, 22-2-2 diện tích 5,1m, 22-6 diện tích 1,7m thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Phạm Thị T được đặt ngầm đường ống tưới nước, tiêu nước có đường kính 50cm tại đường nước được chấp nhận yêu cầu nêu trên, phạm vi sử dụng có chiều sâu 1,5m tính từ mặt đất tự nhiên trung bình và phải đảm bảo các điều kiện trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Khi sử dụng đường nước bà T có trách nhiệm dọn dẹp cây, cỏ rác (nếu có) trong bông nước, đường nước để nước được lưu thông, cấp thoát nước bình thường, không được làm ảnh hưởng đến quá trình quản lý, sử dụng đất của ông H. Ông H được quyền canh tác, sử dụng phần đất bề mặt nhưng không được làm ảnh hưởng đến đường ống ngầm bên dưới và có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà T tu sửa đường ống ngầm nếu xảy ra sự cố hư hỏng đường ống dẫn nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/5/2024, bị đơn ông Phạm Chí H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn đi trên lối đi ông đã mở và trả lại chi phí cho ông theo giá của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà Phạm Thị T vì lối đi này chia đất của ông thành 2 phần, gây khó khăn cho việc sử dụng đất. Hiện tại ông đã cải tạo làm lối đi mới thông thoáng tại vị trí lối đi ông đồng ý mở, lối đi này có diện tích lớn hơn lối đi bà T yêu cầu nhưng ông chỉ yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo diện tích lối đi bà T yêu cầu và yêu cầu bà T bồi hoàn chi phí ông thuê nhân công cải tạo lối đi mới là 7.000.000 đồng. Ông đồng ý mở lối thoát nước cho bà T theo bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T2 và người làm chứng bà Phạm Kim P cùng trình bày: lối đi nguyên đơn yêu cầu đã hình thành từ khi ông Phạm Văn T2 còn là chủ sử dụng các thửa 22, 23. Khi ông Tư t cho đất các con thì ông T2 yêu cầu ông H phải cho bà T là người được cho đất phía trong được sử dụng lối đi cũ; sau khi được tặng cho đất bà T tiếp tục sử dụng lối đi này. Tại thời điểm, bà T đổ bê tông lối đi thì ông H có chứng kiến, không ngăn cản và đã nhận tiền bồi thường cây trồng là 5.000.000 đồng từ bà T. Đối với lối đi mới ông H cho rằng ông đã cải tạo thuận tiện đi lại thì ông T2 và bà T không biết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: thửa đất của nguyên đơn và bị đơn đều có nguồn gốc do cha ruột là ông Phạm Văn T2 tặng cho. Hai phần đất giáp ranh với nhau, thửa đất của ông H trước đây là đất ruộng nên để

vào phần đất phía trong thì đi trên bờ mẫu, không có lối đi cố định. Sau khi ông H cải tạo đất để trồng sầu riêng thì năm 2022 phát sinh tranh chấp do bà T đổ bê tông lối đi không hỏi ý kiến của ông H. Việc mở lối đi như yêu cầu của bà T sẽ bất tiện cho ông H, mặt khác ông H đã mở lối đi mới có chiều ngang hơn 2m, chiều dài hơn 140m phù hợp với hiện trạng sử dụng đất của các bên, lối đi mới ở vị trí gần ranh đất sẽ không chia cắt thửa 22 thành 2 phần. Đồng thời, lối đi mới có vị trí tại phần đất mở đường thoát nước cho bà T. Nếu mở lối cũ thì phải lấp một số điểm mương gây khó khăn cho việc canh tác đất của ông H, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc phẩm, do mưa ngập nên ông H đã khai thông một số điểm trên vị trí lối đi cũ để thoát nước. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự thì việc mở lối đi phải ít gây thiệt hại nhất cho bất động sản có lối đi qua nên ông H mở cho bà T lối đi ở ranh đất là thuận tiện nhất, không chia đất của bị đơn làm 2 phần, ông H cũng không yêu cầu tăng tiền đền bù dù diện tích đất mở lối đi lớn hơn lối đi bà T yêu cầu nên không ảnh hưởng đến quyền của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét thẩm định lại lối đi mới để chấp nhận kháng cáo của ông H.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Chí H. Tuy nhiên, bản án dân sự sơ thẩm có sai sót khi sử dụng đơn vị đo diện tích “m²” thành “m” nên cần điều chỉnh lại cho đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Chí H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị T là chủ sử dụng thửa đất 23, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa đất 23 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, từ thửa đất của bà T muốn ra đường công cộng phải đi qua thửa 22, tờ bản đồ số 17 của ông Phạm Chí H. Ngoài ra, gia đình bà T có đường nước qua thửa đất 22 của ông H để thoát nước sinh hoạt và tưới cây trồng.

Ông H thừa nhận để vào thửa 23 (trước đây là thửa 1119) thì phải đi qua thửa 22 (thửa cũ là thửa 1118), cả hai thửa đất đều có nguồn gốc của ông Phạm Văn T2 (là cha của bà T và ông H) tặng cho ông H, bà T. Bà T không có lối đi nào khác để đi ra đường công cộng, lối đi qua đất của ông H là lối đi duy nhất, thuận tiện nhất

nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho nguyên đơn một lối đi hợp lý trên thửa 22, tờ bản đồ số 17 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự.

Bà T cho rằng ông H không cho bà sử dụng lối đi và ngăn lối thoát nước, không cho bà thoát nước ra vào ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình bà nên bà T khởi kiện yêu cầu ông H mở cho bà lối đi qua đo đạc thực tế thuộc các thửa 22-3 diện tích 2,3m², 22-4 diện tích 34,9m², 22-5 diện tích 93,7m² và mở cho bà đường thoát nước có diện tích khoảng 50m² (chiều ngang 01m, chiều dài 50m) thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông H đồng ý mở lối thoát nước và lối đi trên thửa 22 cho bà T nhưng không đồng ý mở lối đi tại vị trí bà T yêu cầu, ông H kháng cáo chỉ đồng ý cho bà T sử dụng lối đi trên thửa 22 có chiều ngang từ 1,5m đến 2m tại vị trí giáp ranh các thửa 34 (của ông Nguyễn Tấn B1), thửa 8 (của ông Nguyễn Ngọc T4). Đồng thời, ông H cho rằng ông đã thuê người cải tạo, đắp đường tại vị trí lối đi mới để thuận tiện cho bà T đi lại nên yêu cầu bà T phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi là 78.540.000 đồng và tiền thuê nhân công là 7.000.000 đồng, tổng số tiền bà T phải trả cho ông là 85.540.000 đồng. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét lại.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện lối đi bà T yêu cầu mở trên thửa 22 đã tồn tại từ khi ông Phạm Văn T2 còn là chủ sử dụng đất các thửa 1118, thửa 1119. Sau khi ông Tư t cho ông H thửa 1118 (nay là thửa 22) vào năm 2004 thì ông T2 vẫn đi trên lối đi này vào thửa 1119; đến năm 2007, ông Tư t cho bà T thửa 1119 và bà T tiếp tục sử dụng lối đi trên thửa 22 đến năm 2022 thì xảy ra tranh chấp.

Như vậy, lối đi bà T yêu cầu mở là lối đi hình thành từ lâu, khi tặng cho đất ông H và bà T thì ông T2 có nguyện vọng là ông H phải tiếp tục cho bà T (là chủ sử dụng đất thửa 23 có vị trí nằm phía trong thửa 22) được sử dụng lối đi đã tồn tại trên thửa 22. Sau khi được cho đất ông H vẫn cho bà T sử dụng lối đi, đến năm 2018 ông H đã lập giấy cho đường đi với nội dung đồng ý cho gia đình bà T sử dụng lối đi trên thửa 22, do đó có cơ sở xác định ông H cũng đồng ý với mong muốn của ông T2 về việc cho bà T sử dụng lối đi có sẵn trên thửa 22 (hiện là lối đi bà T yêu cầu mở). Ông H cho rằng ông không đồng ý cho bà T sử dụng lối đi, bà T tự ý cải tạo lối đi nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh tại thời điểm bà T nâng đường, đắp đan trên lối đi thì ông có ngăn cản. Mặt khác, gia đình ông H đã nhận tiền bồi thường 01 cây dừa và 01 cây mít là 5.000.000 đồng, thông qua việc gia đình ông

H cung cấp số tài khoản (tài khoản ngân hàng của ông Đ là con của ông H) để ông P1 chuyển tiền vào; gia đình ông H nhận tiền và không có ý kiến phản hồi nên có cơ sở xác định tại thời điểm bà T cải tạo lối đi ông H không phản đối và ông đã nhận tiền bồi thường cây trồng của bà T.

Thấy rằng, thửa đất của nguyên đơn và bị đơn đều có nguồn gốc của ông T2, nguyên đơn được sử dụng lối đi trên thửa 22 là ý chí tự nguyện của ông T2; phía bị đơn được quyền sử dụng đất thửa 22, được hưởng lợi mà không phải thực hiện nghĩa vụ, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ tôn trọng ý chí, nguyện vọng của ông T2 đối với việc ông đồng ý cho nguyên đơn đi trên thửa 22 tại vị trí lối đi nguyên đơn yêu cầu. Vì vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ mở lối đi cho bà T thuộc các thửa 22-3 diện tích 2,3m², 22-4 diện 34,9m², 22-5 diện tích 93,7m² thuộc thửa 22, tờ bản đồ số 17 và buộc bà T có nghĩa vụ đền bù giá trị quyền sử dụng đất cho ông H là phù hợp, đây là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm của thửa đất mở lối đi, lợi ích hợp pháp của bị đơn và thiệt hại gây ra ít nhất cho thửa đất 22.

Đối với việc ông H trình bày sau khi xét xử sơ thẩm ông đã thuê người lấp đất tại vị trí giáp ranh với các thửa 24, 8, tạo lối đi mới thuận tiện cho bà T nên ông yêu cầu di dời lối đi cũ sang vị trí lối đi mới giáp ranh với các thửa 34, 8 và yêu cầu bà T có nghĩa vụ bồi hoàn chi phí ông cải tạo lối đi là 7.000.000 đồng, thấy rằng: bà T không đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông H, tại vị trí lối đi bà T yêu cầu bà T đã đầu tư công sức, chi phí cải tạo lối đi để có hiện trạng như hiện nay (đã được đồ án một phần) nếu di dời qua lối đi ông H yêu cầu sẽ tốn chi phí cải tạo, không thuận tiện cho việc đi lại của bà T, cũng như không phù hợp với nguyện vọng của ông T2. Mặt khác, việc ông H cải tạo đất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sử dụng đất của ông đây là nghĩa vụ của người sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm có sai sót khi xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của đương sự, cụ thể: yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền đền bù cho ông H nhưng bà T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí, cấp sơ thẩm không buộc ông H chịu án phí là chưa đúng, ngoài ra đơn vị đo lường của diện tích là m² nhưng bản án sơ thẩm sử dụng đơn vị m là không đúng nên cần điều chỉnh lại các nội dung này.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Chí H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 252, 254 Bộ luật Dân sự; các điều 95, 171 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

1.1. Buộc ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ mở lối đi cho bà Phạm Thị T tại vị trí các thửa 22-3 diện tích 2,3m², 22-4 diện 34,9m², 22-5 diện tích 93,7m² thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng của ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ đối với lối đi thuộc các thửa 22-3 diện tích 2,3m², 22-4 diện 34,9m², 22-5 diện tích 93,7m² thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà Phạm Thị T được quyền sử dụng hạn chế phần lối đi mà ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ có nghĩa vụ mở, có quyền sử dụng đất và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Các bên được quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 171 của Luật Đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ đền bù giá trị quyền sử dụng đất phần đất mở lối đi cho ông Phạm Chí H với số tiền là 78.540.000 đồng (bảy mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Buộc ông Phạm Chí H, bà Lê Thị Thủy C1, bà Phạm Diễm X, ông Phạm Tiến Đ phải mở đường tưới, tiêu có diện tích 34,1m², chiều ngang 0,5m thuộc các thửa 22-1-1 diện tích 24,7m², 22-2-1 diện tích 2,6m², 22-2-2 diện tích 5,1m², 22-6 diện tích 1,7m² thuộc một phần thửa 22, tờ bản đồ số 17, tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Chí H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Phạm Thị T được đặt ngầm đường ống tưới nước, tiêu nước có đường kính 50cm tại đường nước được mở nêu trên, phạm vi sử dụng có chiều sâu 1,5m tính từ mặt đất tự nhiên trung bình và phải đảm bảo các điều kiện trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Khi sử dụng đường nước bà T có trách nhiệm dọn dẹp cây, cỏ rác (nếu có) trong bông nước, đường nước để nước được lưu thông, cấp thoát nước bình thường, không được làm ảnh hưởng đến quá trình quản lý, sử dụng đất của ông H. Ông H được quyền canh tác, sử dụng phần đất bề mặt nhưng không được làm ảnh hưởng đến đường ống ngầm bên dưới và có nghĩa vụ tạo điều kiện cho bà T tu sửa đường ống ngầm nếu xảy ra sự cố hư hỏng đường ống dẫn nước.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng là 9.006.000 đồng (chín triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng) bà Phạm Thị T phải chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Chí H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà T thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000808 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Chí H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000500 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rễn